TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2024/HNGĐ-ST.
Ngày 24/7/2024.
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Được.

Ông Huỳnh Văn Đương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Đầy, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tấn An – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 300/2024/TLST-HNGĐ, ngày 11/6/2024, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2024/QĐXXST-HN, ngày 11/7/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Bị đơn: Ông Dương Văn D, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt lần thứ nhất và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

- *Về hôn nhân:* Bà và ông D chung sống nhau như vợ chồng từ năm 1994 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc đăng ký kết hôn bà có biết nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn, đi làm thuê nên không đi đăng ký kết hôn. Nhà nước phát động đăng ký kết hôn quá hạn trong thời hạn 03 năm từ năm 2001 đến 2003, bà không hay tin này nên không thực hiện. Bà và ông D chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, do ông D ghen tuông, phát ngôn xúc phạm chửi bà rất nhiều lần, cứ 02 đến 03 ngày thì xảy ra mâu thuẫn

cãi vã với nhau, ông D đánh bà nhiều lần, lúc này ông bà ở chung một nhà nhưng sống ly thân, không quan tâm đến nhau, mỗi lần uống rượu về nhà ông D kiếm chuyện gây gỗ đánh bà, sự việc kéo dài hơn 03 năm, ông D không sửa đổi tính tình, đến tháng 03 năm 2024 bà đi làm thuê giúp việc nhà tại thành phố Hồ Chí Minh, khi bà đi, ông D hay biết nhưng không ý kiến, đến khoảng tháng 5 năm 2024 bà trở về nhà thì ông D đóng cửa, không cho vô nhà, đuổi và đi, đồng thời ông D chửi, cầm búa, cầm cây chọi trúng bà gây thương tích nhẹ và hâm dọa sẽ giết bà nên bà không thể nào sống được. Nay bà yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông Dương Văn D.

- *Về nuôi con tên:* Dương Thị Mỹ T, sinh năm 1995 (hiện con đã thành niên và đã có chồng) nên bà không đặt ra yêu cầu giải quyết.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Bà không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất, ông Dương Văn D là bị đơn trong vụ án, ông D vắng mặt lần thứ nhất và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt đầy đủ cho đương sự nhận. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà N, tuyên bố không công nhận bà N và ông D là vợ chồng, về nuôi con tên Dương Thị Mỹ T, sinh năm 1995 đã thành niên nên không đặt ra yêu cầu giải quyết, về tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện nên không giải quyết. Buộc bà N nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy ông Dương Văn D là bị đơn trong vụ án, tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất, ông D vắng mặt và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông Dương Văn D. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật giải quyết là "Tranh chấp ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- *Về hôn nhân:* Xét thấy bà N và ông D chung sống nhau như vợ chồng từ năm 1994 cho đến nay, nhưng bà N và ông D không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình, từ đó xác định đây là hôn nhân không hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn:

Chị Nguyễn Thị N khai: Bà và ông D chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông D ghen tuông, phát ngôn xúc phạm chửi bà rất nhiều lần, cứ 02 đến 03 ngày thì xảy ra mâu thuẫn cãi vã với nhau, ông D đánh bà nhiều lần, lúc này ông bà ở chung một nhà nhưng sống ly thân, không quan tâm đến nhau, mỗi lần uống rượu về nhà ông D kiếm chuyện gây gỗ đánh bà, sự việc kéo dài hơn 03 năm, ông D không sửa đổi tính tình, đến tháng 03 năm 2024 bà đi làm thuê giúp việc nhà tại thành phố Hồ Chí Minh, khi bà đi, ông D hay biết nhưng không ý kiến, đến khoảng tháng 5 năm 2024 bà trở về nhà thì ông D đóng cửa, không cho vô nhà, đuổi và đi, đồng thời ông D chửi, cầm búa, cầm cây chọi trúng bà gây thương tích nhẹ và hâm dọa sẽ giết bà nên bà không thể nào sống được. Nay bà yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông Dương Văn D.

Đối với ông Dương Văn D: Tòa án giao Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho ông D nhận để ông tham gia tố tụng thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 25/6/2024 và ngày 05/7/2024 ông D đều vắng mặt không có lý do nên phiên hòa giải đoàn tụ không tiến hành được. Hôm nay ngày 24/7/2024 Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất, ông D tiếp tục vắng mặt, tại bản tự khai ngày 17/6/2024 ông D trình bày đồng ý ly hôn với bà N, từ đó cho thấy khả năng hàn gắn đoàn tụ vợ chồng là không có kết quả.

Xét thấy khi xác lập quan hệ hôn nhân, ông D và bà N có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nhưng ông bà không đến UBND xã L, huyện C để đăng ký kết hôn. Trong thời gian từ ngày 01/01/2001 đến ngày 01/01/2003 Nhà nước đã tuyên truyền phát động việc đăng ký kết hôn quá hạn, nhưng ông D, bà N không thực hiện việc đăng ký kết hôn mà tiếp tục chung sống như vợ chồng từ năm 1994 cho đến nay (năm 2024) là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà N xin ly hôn với ông D là không thể chấp nhận được vì không có đăng ký kết hôn. Hội đồng xét xử quyết định tuyên bố không công nhận bà N và ông D là vợ chồng, là đúng quy định Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về nuôi con:* Bà N và ông D chung sống sinh 01 người con tên Dương Thị Mỹ T, sinh năm 1995 (hiện con đã thành niên và đã có chồng) nên bà N và ông D không đặt ra yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, số nợ phải thu, phải trả*: Do bà N và ông D không tranh chấp, không khởi kiện, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng.

[5]. Xét lời của Kiểm sát viên trình bày về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 147, 228, 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

- *Về hôn nhân:* Không công nhận bà Nguyễn Thị N và ông Dương Văn D là vợ chồng.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Buộc bà Nguyễn Thị N nộp 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí do bà N nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003740, ngày 11/6/2024 cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Bà Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo:*

+ Bà Nguyễn Thị N có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

+ Ông Dương Văn D vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự". /.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.